

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố công khai số liệu quyết toán thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa năm 2011.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 ngày 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ Ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán Ngân sách địa phương”; Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân”;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính”;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá Khóa XVI, kỳ họp thứ 5 về việc: “Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2011 của tỉnh Thanh Hóa”,

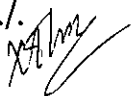
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa năm 2011, cụ thể như sau:

(Có các phụ lục chi tiết đính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TH (để báo cáo);
- Các đồng chí PCT UBND tỉnh, ;
- Lưu: VT, KTTT Thn2012332 (100).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến

Phụ biểu:

CÔNG ĐO CÔNG KHAI SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH THANH HÓA NĂM 2011.
(Kèm theo Quyết định số 4192/2012/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

1. Thu ngân sách nhà nước phân chia cho các cấp ngân sách.

Đơn vị: Triệu đồng.

ST T	Chỉ tiêu	Tổng thu NSNN	Trong đó: Phân chia các cấp ngân sách			
			NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5
I	Các khoản thu theo dự toán.	15.685.074	577.125	12.936.648	1.500.930	670.371
1	Thu NSNN trên địa bàn.	5.088.837	577.125	2.340.411	1.500.930	670.371
	- Thu tiền sử dụng đất.	1.304.891		127.930	841.969	334.992
	- Thu nội địa.	3.783.946	577.125	2.212.481	658.961	335.379
2	Thu bổ sung từ ngân sách TW.	10.596.237		10.596.237		
II	Thu chuyển giao trợ cấp NSDP.	8.611.670			6.637.429	1.974.241
III	Thu tiền huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN.	130.000		130.000		
IV	Thu kết dư năm trước.	610.423		64.789	307.730	237.904
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	2.789.392		1.722.101	926.853	140.438
VI	Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách.	12.122		10.783	745	594
VII	Các khoản thu quản lý qua NSNN.	1.370.417		1.100.710	82.631	187.076
	Tổng thu NSNN (I+II+III+IV+V+VI+VII):	29.209.098	577.125	15.965.031	9.456.318	3.210.624

2. Chi ngân sách địa phương.

Đơn vị: Triệu đồng.

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng chi NSĐN	Trong đó: Phân chia các cấp ngân sách		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	Tổng chi NSDP (I+II+III+IV):	27.857.324	15.732.277	9.196.618	2.928.429
I	Chi cân đối NSDP.	15.185.305	6.251.667	6.252.919	2.680.719
1	Chi đầu tư phát triển.	5.062.278	3.001.771	1.093.343	967.164
	Trong đó:				
	- Chi Xây dựng cơ bản.	4.926.112	2.865.605	1.093.343	967.164
	- Chi hỗ trợ doanh nghiệp cung ứng sản phẩm công ích.	6.166	6.166		
2	Chi trả nợ (gốc và lãi) theo khoản 3, Điều 8 Luật NSNN.	115.258	115.258		
3	Chi thường xuyên.	10.004.539	3.131.408	5.159.576	1.713.555
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.	3.230	3.230		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau.	2.714.788	1.726.947	881.083	106.758
II	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới.	8.611.670	6.637.429	1.974.241	
III	Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách.	37.473	15.524	20.486	1.463
IV	Chi từ nguồn thu quản lý qua NSNN.	1.308.088	1.100.710	67.889	139.489

X/02

3. Chênh lệch thu - chi ngân sách địa phương.

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó: Phân chia các cấp ngân sách		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4	2	3	4
I	Tổng thu NSDP.	28.631.973	15.965.031	9.456.318	3.210.624
II	Tổng chi NSDP.	27.857.324	15.732.277	9.196.618	2.928.429
III	Chênh lệch thu - chi (I-II).	774.649	232.754	259.700	282.195

./. 